

Số: 1026/QĐ-UBND

Đắk Glei, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500)
Nghĩa trang nhân dân huyện Đắk Glei**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật số 35/2018/QH14 năm 2018 về sửa đổi bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ quy về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn xây dựng Việt Nam Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/6/2019 của UBND tỉnh Kon Tum về quản lý, xây dựng, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 1592/2022/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Đăk Glei phê duyệt Nhiệm vụ, dự toán quy hoạch chi tiết (1/500) nghĩa trang nhân dân huyện Đăk Glei;

Căn cứ Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 24/11/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei đến năm 2025;

Căn cứ Công văn số 2143/SXD-QHKT ngày 19/12/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum; Công văn số 2236/SGTVT-KHTC ngày 24/10/2023 của Sở Giao thông Vận tải về việc góp ý Đồ án quy hoạch chi tiết (1/500) nghĩa trang nhân dân huyện Đăk Glei.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 57/TTr-KTHT ngày 28/12/2023 và Báo cáo thẩm định số 02/BC-HĐTĐ ngày 28/12/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn huyện,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Nghĩa trang nhân dân huyện Đăk Glei với các nội dung chính như sau (có Đồ án quy hoạch kèm theo):

1. Tên đồ án: Đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) nghĩa trang nhân dân huyện Đăk Glei.

2. Địa điểm: Thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

3. Đơn vị được ủy quyền Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Đăk Glei.

4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kon Tum.

5. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích lập Đồ án quy hoạch chi tiết

Phạm vi: Thuộc địa bàn thôn Chung Năng, Thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

Ranh giới:

- Phía Bắc : Giáp đất trồng cây hoa màu;
- Phía Nam : Giáp đất trồng cây dài ngày (cao su) và đất trồng cây hoa màu;
- Phía Đông : Giáp đường dây 500KV và đất trồng cây hoa màu;
- Phía Tây : Giáp đất trồng cây dài ngày (cao su, bời lồi) và đất trồng cây hoa màu.

(Có sơ đồ vị trí ranh giới kèm theo).

Quy mô diện tích: Tổng diện tích khảo sát khu đất khoảng 14,7 ha, trong đó, diện tích quy hoạch chi tiết các khu chức năng chính khoảng 11,2 ha (ở các vị trí xây dựng tương đối thuận lợi). Còn lại là đất đồi dốc, chủ yếu là đất cây bụi, một ít

trồng cây cao su, bời lời, cây mì, ... khu vực này dự kiến nơi san lấp đất đào, sau này cấp lại đất canh tác cho dân.

6. Tính chất

- Là nơi an táng tập trung thi hài người quá cố của cư dân sinh sống trên địa bàn Thị trấn huyện Đăk Glei và khu vực lân cận.

- Là nơi quy tập, cải táng hài cốt tại các nghĩa địa cũ trên địa bàn Thị trấn trong quá trình di dời giải tỏa chuyên về.

- Là Nghĩa trang nhân dân huyện, được đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật với các chức năng sử dụng đất chủ yếu:

+ Khu vực xây dựng các công trình quản lý, tâm linh.

+ Khu vực chôn cất mộ.

+ Khu vực xây dựng công trình giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, ...

7. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

Bảng các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kỹ thuật
I	Dân số		
1	Dân số trong khu vực quy hoạch (b/q theo đề án phát triển đô thị)	người	16.000
II	Chỉ tiêu sử dụng đất		
1	Đất an táng mộ phần	% DT quy hoạch	<60
2	Đất giao thông	% DT quy hoạch	>10
3	Đất cây xanh,	% DT quy hoạch	>25
4	Đất tâm linh và công trình phụ trợ	% DT quy hoạch	5
III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Cấp nước		
	Nhân viên phục vụ	Lít/ng.ngàyđêm	100
	Khách thăm viếng	Lít/ng.ngàyđêm	5
	Tưới cây, xây dựng	m ³ /ha/ngày	10
2	Rác thải	Kg/ng.ngày	1
	Đồ dùng người quá cố	Kg/người	50 - 80
3	Cấp điện		
	Công trình công cộng, dịch vụ	W/m ² sàn	15 - 20
	Chiều sáng đường, khu tâm linh	KW/ha	1,5 - 3

Chỉ tiêu diện tích cho 1 phần mộ (căn cứ Quy chuẩn, tiêu chuẩn và nhu cầu thực tế):

- Mộ chôn một lần: 5-8m².

- Mộ cát táng: 3-5m²; mộ trẻ em: < 2m².

8. Cơ cấu sử dụng đất

8.1. Cơ cấu các khu chức năng

a) Hướng kết nối chính

Trục cảnh quan chính của khu vực quy hoạch là Khu dịch vụ - tâm linh + bãi đậu đỗ xe + tuyến đường chính chạy dọc theo hướng Đông - Tây khu vực quy hoạch.

b) Các khu chức năng

- Khu vực táng: Bao gồm chôn một lần và cát táng
- Khu tâm linh.
- Khu vực dịch vụ.
- Khu cây xanh, bố trí dải cây xanh cách ly rộng tối thiểu 10m.
- Khu vực quản lý.
- Khu kỹ thuật và hạ tầng kỹ thuật (xử lý chất thải rắn và nước thải).

9. Giải pháp tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Bố cục không gian kiến trúc toàn khu

- Đối với công trình dịch vụ công cộng, tâm linh: Được bố cục hợp khối, theo hướng mở, đón trục.

- Đối với khu bãi đỗ đậu xe và đường trục chính: Được bố cục theo hướng tạo lập mảng khối theo tuyến chính.

- Không gian ô mộ được bố cục theo chức năng chính, gồm:

+ Khu vực bố trí ô mộ chôn một lần (có từng khu riêng cho những người theo các tôn giáo khác nhau).

+ Khu vực bố trí ô mộ cát táng (cũng tách riêng theo tôn giáo khác nhau);

+ Khu vực bố trí mộ trẻ sơ sinh.

- Hình thức kiến trúc:

+ Đối với nhà quản lý: Nhà 1 tầng, mái lợp ngói hoặc tôn kẽm.

+ Đối với Nhà tưởng niệm: Thiết kế theo kiểu lục giác, mái dãn ngói.

+ Đối với mộ chôn một lần và mộ cát táng: Đề xuất một vài kiểu mộ chôn một lần, mộ cát táng, tùy theo sở thích và điều kiện kinh tế để cư dân lựa chọn. Trong đó ưu tiên quy định trong một lô mộ chỉ xây theo một mẫu thiết kế.

b) Hệ thống giao thông

Hệ thống giao thông được hình thành phục vụ cho khu vực, đảm bảo thuận tiện và tính kết nối cao; các tuyến đường cơ bản bám sát địa hình tự nhiên, thuận lợi cho việc đi lại, gắn với định hướng tổ chức không gian kiến trúc hợp lý.

10. Giải pháp tổ chức quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

10.1. San nền

a) Nguyên tắc san nền

- Tôn trọng địa hình tự nhiên.
- Đảm bảo an toàn sử dụng, chống sạt lở, không úng ngập.

b) Giải pháp san nền

- Tổ chức san nền (đào - đắp) cục bộ cho từng khu mộ; đối với khu vực đỉnh đồi cao: hạ thấp xuống tới cao độ 750m; các khu vực khác san cục bộ theo đường đồng mức, không cần phải san nền toàn bộ khu quy hoạch.

- Độ dốc san nền đảm bảo thoát nước tốt, phù hợp với yêu cầu độ dốc dọc các loại, tuyến đường quy hoạch.

10.2. Thoát nước mưa

a) Lưu vực thoát nước, hướng thoát nước mưa

- Khu quy hoạch có 01 lưu vực thoát nước theo nền địa hình tự nhiên.

- Hướng thoát nước chính, theo hướng Bắc - Nam khu quy hoạch, tập trung về điểm tụ thủy ở phía Nam khu quy hoạch.

b) Hệ thống thoát nước mưa

Rãnh biên thoát nước là mương hở của loại hình đường giao thông nông thôn theo cấu tạo điển hình có tiết diện (30x30)cm hoặc (30x40)cm bằng tấm bê tông, xây gạch ...; đặt hai bên các tuyến đường, tiếp giáp với chỉ giới đường đỏ.

10.3. Quy hoạch hệ thống giao thông

10.3.1. Tiêu chuẩn kỹ thuật của đường

a) Đường trục chính (đường trục nghĩa trang)

- Tốc độ tính toán: 20-30 Km/h.

- Số làn xe: 2 làn.

- Chiều rộng cho 1 làn xe: 2,75 – 3,0m.

- Chiều rộng mặt đường: 7m.

- Chiều rộng lề đường: 1,1m.

- Độ dốc dọc đường lớn nhất: $i_{\max} = 9,0\%$.

- Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn: 15,0m.

- Tải trọng thiết kế - trục xe: Đến 6 tấn.

b) Đường nội bộ (đường lô)

- Tốc độ tính toán: 10-15 km/h.

- Số làn xe: 1 làn.

- Bề rộng mặt đường: 3,5m.

- Chiều rộng lề đường: 1,0m.

- Độ dốc dọc đường lớn nhất: $i_{\max} = 11,0\%$.

- Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn: 15,0m.

- Tải trọng thiết kế - trục xe: 2,5 tấn.

10.3.2. Quy mô các loại đường

a) Đường trục chính: Là đường B1 chạy theo hướng Đông – Tây và Bắc - Nam khu quy hoạch, từ bãi đậu đỗ xe vào cuối các lô mộ.

- Mặt cắt 1-1

- + Chỉ giới đường đỏ: 10,0m.
- + Mặt đường xe chạy: 7,0m.
- + Lề đường hai bên: $2 \times 1,10\text{m} = 2,20\text{m}$.
- + Chiều dài $L = 1.079\text{m}$.

b) Đường nội bộ - đường lô

- Mặt cắt 2-2 (B2)
- + Chỉ giới đường đỏ: 7,0m.
- + Mặt đường xe chạy: 5,0m.
- + Lề đường hai bên: $2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$.
- + Chiều dài $L = 885\text{m}$.
- Mặt cắt 3-3 (B3)
- + Chỉ giới đường đỏ: 5,5m.
- + Mặt đường xe chạy: 3,5m.
- + Lề đường hai bên: $2 \times 1,0\text{m} = 2,0\text{m}$.
- + Chiều dài tổng các tuyến: $\Sigma L = 3.137\text{m}$.

10.3.3. Cấu tạo các loại mặt đường

Mặt đường sử dụng cho cấp đường cấp B và cấp C; cụ thể:

a) Đối với trục đường chính

- Bê tông xi măng M200, dày 18cm.
- Cấp phối thiên nhiên dày 22cm.

b) Đối với các đường lô (đường nội bộ).

- Bê tông xi măng M150, dày 16cm.
- Cấp phối thiên nhiên dày 18cm.

10.4. Quy hoạch cấp nước

10.4.1. Nguồn nước

Lấy từ hệ thống nước tự chảy hiện có đi bên cạnh nghĩa trang, công suất khoảng $30 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$ (dự kiến di dời đường ống cũ ra dọc theo đường quy hoạch phía Bắc nghĩa trang).

10.4.2. Mạng lưới đường ống

a) Nguyên tắc vạch tuyến mạng lưới đường ống

- Tổng chiều dài đường ống nhỏ nhất.
- Đường ống phải bao trùm hết các đối tượng dùng nước.

b) Lựa chọn sơ đồ mạng lưới

Mạng lưới được thiết kế theo kiểu cành cây (mạng lưới cụt), đường ống đặt trên lề đường.

c) Vật liệu và độ sâu chôn ống

- Vật liệu và phụ tùng đường ống: Ống PVC hoặc HDPE.

- Độ sâu chôn ống, $H \geq 0,5m$; Đoạn qua đường phải có biện pháp bảo vệ

10.5. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng

10.5.1. Nguồn điện

Nguồn điện lấy từ tuyến điện nổi 22/0,4Kv hiện có trên trục đường QL14

10.5.2. Lưới điện

Cấu trúc lưới điện được thiết kế hình tia: Gồm các tuyến 0,4 KV trên trục đường chính và cho các trục đường nội bộ để cấp điện cho các ô mộ dùng điện và chiếu sáng đường. Các tuyến điện đều dùng tuyến điện nổi.

- Vật liệu dùng cáp vặn xoắn bọc nhựa (ACB) loại 4 ruột chịu lực có tiết diện đường trục là $35mm^2$, tiết diện đường nhánh là $16mm^2$.

10.6. Thoát nước rỉ và vệ sinh môi trường

10.6.1. Thoát nước rỉ

Nước rỉ từ ô mộ được thu gom về mương thu, về khu xử lý bằng bể lọc, chất lượng nước sau xử lý cơ bản đảm bảo xả thải ra môi trường theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 14-2008/BTNMT.

a) Lưu vực thoát nước, hướng thoát nước rỉ (cho các ô mộ chôn một lần)

- Mái phía Tây khu quy hoạch mộ chôn 1 lần có 01 lưu vực thoát nước theo địa hình san nền dốc 2-3% xuống mương thu chạy dọc rìa phía Tây.

- Mái phía Đông quy hoạch có 01 lưu vực thoát nước theo địa hình san nền dốc 2-3% về mương thu phía Đông các ô mộ chôn một lần.

- Hướng thoát nước chính, theo hướng Bắc – Nam và Tây - Đông khu quy hoạch, tập trung về khu xử lý đặt ở phía Nam khu quy hoạch.

- Khối lượng nước rỉ từ ô mộ: Tính bằng 10% khối lượng nước mưa thấm vào đất (khoảng 20% lượng mưa trung bình năm tại khu vực).

b) Hệ thống thoát nước rỉ

Mương thu nước rỉ xây gạch, đá, tiết diện (60x180)cm dẫn về khu xử lý.

Khu xử lý gồm bể chứa, bể xử lý và mương thoát ra ngoài.

10.6.2. Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

a) Tiêu chuẩn và khối lượng chất thải rắn

- Tiêu chuẩn xả thải: Khoảng 65 kg/1 người chết.

- Khối lượng chất thải rắn: $65kg \times 10 \text{ người} = 650kg/ngày$.

b) Quản lý chất thải rắn

- Tổ chức thu gom chất thải rắn bằng các thùng rác đặt trên các trục đường và gom về hố đốt rác tập trung;

- Các thân nhân người chết có trách nhiệm thu gom, xử lý rác, đồ dùng người chết về hố đốt rác tập trung.

11. Các dự án, danh mục công trình đầu tư xây dựng

11.1. Các dự án ưu tiên đầu tư

- Các dự án hạ tầng kỹ thuật: giao thông, cấp điện, cấp thoát nước.
- Các dự án hạ tầng xã hội: Nhà quản trang, Nhà tưởng niệm.

11.2. Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư

TT	Công trình, hạng mục công trình	Kinh phí (đồng)	Nguồn vốn
I	Công trình hạ tầng kỹ thuật:	20.816.553.000	NSNN, XH hóa
1	Giao thông	10.062.500.000	NS Nhà nước
2	San nền, thoát nước	8.358.750.000	NS Nhà nước
3	Cấp nước	195.709.000	NSNN, DN dịch vụ cấp nước
4	Cấp điện và chiếu sáng	337.784.000	NSNN, Doanh nghiệp
5	Thoát nước và vệ sinh môi trường	1.861.800.000	NS Nhà nước
6	Cổng – tường rào	583.100.000	NS Nhà nước
II	Công trình hạ tầng xã hội	1.880.000.000	NSNN, DN, XH hóa
1	Nhà quản trang	600.000.000	NSNN
2	Nhà tưởng niệm	1.280.000.000	NSNN, XH hóa
Tổng cộng		23.279.653.000	

11.3. Giải pháp huy động nguồn lực

- Vốn Ngân sách Nhà nước đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật và 1 số công trình hạ tầng xã hội.

- Vốn từ người dân và các nguồn vốn xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội, đường đi bộ trong nghĩa trang.

Điều 2. Ban hành kèm theo quyết định này “*Quy định quản lý xây dựng theo Đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Nghĩa trang nhân dân huyện Đắk Glei*”.

Điều 3. Đồ án quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) Nghĩa trang nhân dân huyện Đắk Glei được phê duyệt là cơ sở để quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

- Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ đầu tư phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Glei tổ chức công bố, công khai đồ án và triển khai thực hiện việc cắm mốc giới quy hoạch theo đúng quy định hiện hành.

- Giao Phòng Kinh tế - Hạ tầng phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Glei tổ chức quản lý thực hiện nội dung đồ án quy hoạch đã được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

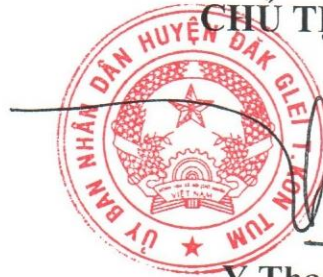
Điều 4. Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chủ tịch UBND thị trấn Đăk Gleit, Giám đốc Công ty Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kon Tum, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *lany*

Nơi nhận:

- Như điều 4 (t/h);
- Sở Xây dựng (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện (t/d);
- Lưu: VT. *lany*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Y Thanh

11.1.2017

